

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST
Ngày 11-3-2022
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai

Bà Phạm Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Trần Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2021/TLST-KDTM ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 889/2021/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2022/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (gọi tắt là Ngân hàng); địa chỉ: Tháp B, số 194 T, phường L, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Đức C – Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp, Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Lạch Tray (Văn bản ủy quyền số 439/QĐ-BIDV.LT ngày 03/11/2021); có mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Đ; địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Chiên T – Giám đốc; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T; nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

2. Ông Vũ Hồng T; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

3. Bà Bùi Thị T; Thôn T, xã T, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Hồng T và bà Bùi Thị T: Ông Vũ Văn T; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng (Văn bản ủy quyền ngày 09/7/2021); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 11 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày:

Ngày 15/11/2019, Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Đ (Công ty Đ) có ký Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2019/9934857/HĐTD với Ngân hàng Thương mại cổ phần B để vay số tiền 15.000.000.000 đồng; thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/10/2020; thời hạn cho vay theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể; tuy nhiên tối đa không quá 04 tháng; lãi suất cho vay, phí: theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể.

Các hợp đồng tín dụng cụ thể:

1) Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.01/2019/9934857/HĐTD ngày 24/12/2019; số tiền vay: 3.900.000.000 đồng; mục đích vay: trả tiền mua dầu Diesel; thời hạn vay: 04 tháng; ngày giải ngân: 24/12/2019 B giải ngân cho Công ty TNHH Dầu khí H; ngày đáo hạn: 24/4/2020; lãi suất vay trong hạn: Lãi suất áp dụng tại thời điểm hiện tại là 8%/năm; áp dụng cố định trong suốt thời gian vay; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có); lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả) bằng 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lịch trả nợ: trả nợ gốc ngày 24/4/2020, trả nợ lãi định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả lãi cuối trùng với kỳ trả nợ gốc; Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/9934857/HĐTD ngày 15/11/2019.

2) Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.02/9934857/HĐTD ngày 25/12/2019; số tiền vay: 3.700.000.000 đồng; mục đích vay: trả tiền mua dầu Diesel; thời hạn vay: 04 tháng; ngày giải ngân: 25/12/2019 B giải ngân cho Công ty TNHH Dầu khí H;

ngày đáo hạn: 25/4/2020; lãi suất vay trong hạn: Lãi suất áp dụng tại thời điểm hiện tại là 8%/năm; áp dụng cố định trong suốt thời gian vay; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có); lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả) bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lịch trả nợ: trả nợ gốc ngày 25/4/2020, trả nợ lãi định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả lãi cuối trùng với kỳ trả nợ gốc; Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/9934857/HĐTD ngày 15/11/2019.

3) Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.03/2019/9934857/HĐTD ngày 26/12/2019; số tiền vay: 3.200.000.000 đồng; mục đích vay: trả tiền mua dầu Diesel; thời hạn vay: 04 tháng; ngày giải ngân: 26/12/2019 B giải ngân cho Công ty TNHH Dầu khí H; ngày đáo hạn: 26/4/2020; lãi suất vay trong hạn: Lãi suất áp dụng tại thời điểm hiện tại là 8%/năm; áp dụng cố định trong suốt thời gian vay; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có); lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả); Lịch trả nợ: trả nợ gốc ngày 26/4/2020, trả nợ lãi định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả lãi cuối trùng với kỳ trả nợ gốc; Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/9934857/HĐTD ngày 15/11/2019.

4) Hợp đồng tín dụng cụ thể 01.01/2020/9934857/HĐTD ngày 22/01/2020; số tiền vay: 1.300.000.000 đồng; mục đích vay: trả tiền mua xăng dầu; thời hạn vay: 04 tháng; ngày giải ngân: 22/01/2020 B giải ngân cho Công ty TNHH kinh doanh vận tải xăng dầu B; ngày đáo hạn: 22/5/2020; lãi suất vay trong hạn: Lãi suất áp dụng tại thời điểm hiện tại là 8%/năm; áp dụng cố định trong suốt thời gian vay; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có); lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả) bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả ; Lịch trả nợ: trả nợ gốc ngày 22/5/2020, trả nợ lãi định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả lãi cuối trùng với kỳ trả nợ gốc; Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/9934857/HĐTD ngày 15/11/2019.

5) Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.02/2020/9934857/HĐTD ngày 07/5/2020; số tiền vay: 1.200.000.000 đồng; mục đích vay: trả tiền mua xăng; thời hạn vay: 04 tháng; ngày giải ngân: 07/5/2020 B giải ngân cho Công ty TNHH kinh doanh vận

tải xăng dầu B; ngày đáo hạn: 07/9/2020; lãi suất vay trong hạn: Lãi suất áp dụng tại thời điểm hiện tại là 8%/năm; áp dụng cố định trong suốt thời gian vay; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay được điều chỉnh nếu có); lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả) bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lịch trả nợ: trả nợ gốc ngày 07/9/2020, trả nợ lãi định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả lãi cuối trung với kỳ trả nợ gốc; Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/9934857/HĐTD ngày 15/11/2019.

Để bảo đảm cho khoản vay, Công ty Đ đã thế chấp 02 tài sản bảo đảm sau:

- Tài sản 1: Toàn bộ diện tích 150m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 529, tờ bản đồ số 01 tại đường B, thị trấn N, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BB 611433, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: CH/00095 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp ngày 24/8/2010 cho bà Nguyễn Thị T.

- Tài sản 2: Toàn bộ diện tích 83,25m² đất tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 01 tại đường B, thị trấn N, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG057695, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: CH 00279 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp ngày 21/6/2011 cho ông Vũ Hồng T và bà Bùi Thị T.

B đã giải ngân cho Công ty Đ tổng số tiền 13.300.000.000 đồng (mười ba tỷ, ba trăm triệu đồng).

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng Công ty Đ đã trả cho Ngân hàng tính đến ngày 11/3/2022 là 1.384.000.000 đồng tiền gốc; lãi trong hạn là: 895.875.069 đồng. Cụ thể Công ty Đ đã trả theo từng hợp đồng cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.01/2019/9934857/HĐTD ngày 24/12/2019: Gốc đã trả: 1.329.000.000 đồng; lãi trong hạn: 227.711.506 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.02/9934857/HĐTD ngày 25/12/2019: Chưa trả nợ gốc; lãi trong hạn: 291.935.069 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.03/2019/9934857/HĐTD ngày 26/12/2019: Chưa trả nợ gốc; lãi trong hạn đã trả: 251.809.315 đồng;

+ Hợp đồng tín dụng cụ thể 01.01/2020/9934857/HĐTD ngày 22/01/2020: Chưa trả nợ gốc; lãi trong hạn đã trả: 95.487.672 đồng;

+ Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.02/2020/9934857/HĐTD ngày 07/5/2020: Gốc đã trả: 55.000.000 đồng; lãi trong hạn: 28.931.507 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu công ty Đ phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/9934857/HĐTD ngày 15/11/2019 (bao gồm 5 Hợp đồng tín dụng cụ thể) tính đến ngày 11/3/2022 với tổng số tiền là 13.659.225.085 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 11.916.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 28.590.411 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.711.135.080 đồng; Lãi chậm trả lãi: 3.499.594 đồng.

Cụ thể tiền nợ của các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.01/2019/9934857/HĐTD ngày 24/12/2019 là: 2.953.023.436 đồng; trong đó: Nợ gốc là: 2.571.000.000 đồng; lãi trong hạn là: 16.518.083 đồng; lãi quá hạn là: 363.505.081 đồng; lãi chậm trả lãi: 2.000.272 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.02/9934857/HĐTD ngày 25/12/2019 là: 4.216.332.466 đồng; trong đó: Nợ gốc là: 3.700.000.000 đồng; lãi quá hạn: 516.332.466 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.03/2019/9934857/HĐTD ngày 26/12/2019 là 3.646.301.652 đồng; trong đó: Nợ gốc: 3.200.000.000 đồng; lãi trong hạn: 675.069 đồng; lãi quá hạn: 445.545.205 đồng; lãi chậm trả lãi: 81.378 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.01/2020/9934857/HĐTD ngày 22/01/2020 là 1.485.395.874 đồng; trong đó: Nợ gốc: 1.300.000.000 đồng; lãi trong hạn: 7.978.081 đồng; lãi quá hạn: 176.515.068 đồng; lãi chậm trả lãi: 902.725 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.02/2020/9934857/HĐTD ngày 07/5/2020 là 1.358.171.657 đồng; trong đó: Nợ gốc: 1.145.000.000 đồng; lãi trong hạn: 3.419.178 đồng; lãi quá hạn: 209.237.260 đồng; lãi chậm trả lãi: 515.219 đồng.

Và còn tiếp tục trả phần nợ lãi phát sinh kể từ ngày 12/3/2022 cho đến khi Công ty Đ trả dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

Trường hợp công ty Đ không trả nợ cho ngân hàng thì B có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay nói trên để thu hồi khoản nợ của công ty Đ.

Buộc công ty Đ và bên thế chấp phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, phí thi hành án và các chi phí phát sinh liên quan.

Trường hợp sau khi phát mại tài sản bảo đảm mà không đủ bù đắp số tiền trả nợ cho B, chi phí Tòa án, chi phí phát mại tài sản (nếu có) thì Công ty Đ phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

* Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Đ trình bày:

Ngày 15/11/2019, Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Đ (Công ty Đ) có ký Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2019/9934857/HĐTD với Ngân hàng Thương mại cổ phần B để vay số tiền 15.000.000.000 đồng; thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/10/2020; thời hạn cho vay theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể; tuy nhiên tối đa không quá 04 tháng; lãi suất cho vay, phí: theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể. Công ty Đ đã ký 5 Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

1) Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.01/2019/9934857/HĐTD ngày 24/12/2019; số tiền vay: 3.900.000.000 đồng; mục đích vay: trả tiền mua dầu D; thời hạn vay: 04 tháng; ngày giải ngân: 24/12/2019 B giải ngân cho Công ty TNHH Dầu khí H; ngày đáo hạn: 24/4/2020; lãi suất vay trong hạn: Lãi suất áp dụng tại thời điểm hiện tại là 8%/năm; áp dụng cố định trong suốt thời gian vay; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có); lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả) bằng 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lịch trả nợ: trả nợ gốc ngày 24/4/2020, trả nợ lãi định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả lãi cuối trùng với kỳ trả nợ gốc; Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/9934857/HĐTD ngày 15/11/2019.

2) Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.02/9934857/HĐTD ngày 25/12/2019; số tiền vay: 3.700.000.000 đồng; mục đích vay: trả tiền mua dầu D; thời hạn vay: 04 tháng; ngày giải ngân: 25/12/2019 B giải ngân cho Công ty TNHH Dầu khí H; ngày đáo hạn: 25/4/2020; lãi suất vay trong hạn: Lãi suất áp dụng tại thời điểm hiện tại là 8%/năm; áp dụng cố định trong suốt thời gian vay; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có); lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả) bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lịch trả nợ: trả nợ gốc ngày 25/4/2020, trả nợ lãi định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả lãi cuối trùng với kỳ trả nợ gốc; Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/9934857/HĐTD ngày 15/11/2019.

3) Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.03/2019/9934857/HĐTD ngày 26/12/2019; số tiền vay: 3.200.000.000 đồng; mục đích vay: trả tiền mua dầu D; thời hạn vay: 04 tháng; ngày giải ngân: 26/12/2019 B giải ngân cho Công ty TNHH Dầu khí H; ngày đáo hạn: 26/4/2020; lãi suất vay trong hạn: Lãi suất áp dụng tại thời điểm hiện tại là 8%/năm; áp dụng cố định trong suốt thời gian vay; lãi

suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có); lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả); Lịch trả nợ: trả nợ gốc ngày 26/4/2020, trả nợ lãi định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả lãi cuối trùng với kỳ trả nợ gốc; Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/9934857/HĐTD ngày 15/11/2019.

4) Hợp đồng tín dụng cụ thể 01.01/2020/9934857/HĐTD ngày 22/01/2020; số tiền vay: 1.300.000.000 đồng; mục đích vay: trả tiền mua xăng dầu; thời hạn vay: 04 tháng; ngày giải ngân: 22/01/2020 BIDV giải ngân cho Công ty TNHH kinh doanh vận tải xăng dầu B; ngày đáo hạn: 22/5/2020; lãi suất vay trong hạn: Lãi suất áp dụng tại thời điểm hiện tại là 8%/năm; áp dụng cố định trong suốt thời gian vay; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có); lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả) bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lịch trả nợ: trả nợ gốc ngày 22/5/2020, trả nợ lãi định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả lãi cuối trùng với kỳ trả nợ gốc; Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/9934857/HĐTD ngày 15/11/2019.

5) Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.02/2020/9934857/HĐTD ngày 07/5/2020; số tiền vay: 1.200.000.000 đồng; mục đích vay: trả tiền mua xăng; thời hạn vay: 04 tháng; ngày giải ngân: 07/5/2020 B giải ngân cho Công ty TNHH kinh doanh vận tải xăng dầu B; ngày đáo hạn: 07/9/2020; lãi suất vay trong hạn: Lãi suất áp dụng tại thời điểm hiện tại là 8%/năm; áp dụng cố định trong suốt thời gian vay; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay được điều chỉnh nếu có); lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả) bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lịch trả nợ: trả nợ gốc ngày 07/9/2020, trả nợ lãi định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả lãi cuối trùng với kỳ trả nợ gốc; Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/9934857/HĐTD ngày 15/11/2019.

Để bảo đảm cho khoản vay của Công ty Đ, Công ty đã dùng 02 tài sản thế chấp sau:

- Tài sản 1: Toàn bộ diện tích 150m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 529, tờ bản đồ số 01 tại đường B, thị trấn N, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản

khác gắn liền với đất số BB 611433, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: CH/00095 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp ngày 24/8/2010 cho bà Nguyễn Thị T.

- Tài sản 2: Toàn bộ diện tích 83,25m² đất tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 01 tại đường B, thị trấn N, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG057695, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: CH 00279 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp ngày 21/6/2011 cho ông Vũ Hồng T và bà Bùi Thị T.

B đã giải ngân cho Công ty Đ tổng số tiền: 13.300.000.000 đồng (mười ba tỷ, ba trăm triệu đồng).

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng do tình hình dịch bệnh nên Công ty làm ăn khó khăn chưa thu xếp được nguồn vốn để trả nợ Ngân hàng đúng hạn. Công ty xác nhận Ngân hàng tính tổng số nợ của Công ty đến ngày 30/4/2021 là: 12.481.703.460 đồng. Công ty mong Ngân hàng tạo điều kiện để Công ty tiếp tục kinh doanh trả nợ Ngân hàng. Đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện miễn giảm lãi để Công ty sớm thu xếp trả nợ gốc cho Ngân hàng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Hồng T và bà Bùi Thị T là ông Vũ Văn T trình bày: Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Đ có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/9934857/HĐTD ngày 15/11/2019 với Ngân hàng thương mại Cổ phần B, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng cho Công ty Đ với số tiền tối đa là 15.000.000.000 đồng (mười lăm tỷ đồng), mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn cho vay theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, lãi suất vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Theo ông được biết Ngân hàng đã có 5 hợp đồng tín dụng cụ thể và đã giải ngân cho Công ty Đ, còn số tiền cụ thể là bao nhiêu ông không được rõ. Để đảm bảo khoản vay cho Công ty Đ, bố mẹ ông (là ông Vũ Hồng T và bà Bùi Thị) đã dùng tài sản đảm bảo của bố mẹ ông là Quyền sử dụng đất với diện tích 83,25 m², tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 01, mục đích sử dụng là đất ở tại địa chỉ: đường B, thị trấn N, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng , theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 057695, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00279 được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 21/6/2011 cho ông Vũ Hồng T và bà Bùi Thị T. Việc bố mẹ ông thế chấp tài sản đảm bảo trên để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Đ là tự nguyện. Nay Ngân hàng khởi kiện Công ty Đ trả tổng số tiền còn nợ Ngân hàng tạm tính đến ngày 31/10/2020 là 12.128.922.739 đồng. Về trách nhiệm thì Công ty Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng, trong trường hợp Công ty Đ không trả được cho Ngân hàng thì gia đình ông sẽ thu xếp nguồn tài chính tương ứng với giá trị tài sản đảm bảo để trả cho Công ty Đ và đề nghị Ngân hàng cho gia đình rút tài sản đảm bảo. Nếu gia đình không lo được nguồn tiền trả cho Ngân

hàng như trên thì gia đình đồng ý phát mại tài sản để đảm bảo khoản vay của Công ty Đ.

*Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà có căn nhà tại đường B, thị trấn N, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng để đảm bảo khoản vay của Công ty Đ, do dịch bệnh nên Công ty và cá nhân chưa thu xếp được nên bà làm đơn này mong Ngân hàng giãn nợ cho Công ty Đ. Còn cá nhân bà đang làm ăn tại Nha Trang chưa về được, bà sẽ về sớm cùng Công ty thu xếp công nợ trả cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 BLTTDS quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán.

- Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án

- Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS.

- Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa đầy đủ quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật TTDS.

Xét Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/9934857/HĐTD và 05 Hợp đồng tín dụng cụ thể được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn tuân thủ các quy định của pháp luật. Hình thức và nội dung của các hợp đồng tín dụng nêu trên phù hợp với các quy định của Điều 116, Điều 117 Bộ luật Dân sự, các điều 90, 91, 94 của Luật các Tổ chức tín dụng. Bởi vậy các hợp đồng tín dụng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên, buộc các bên trong hợp đồng phải thực hiện.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP B đã thực hiện việc giải ngân cho bị đơn theo đúng các Hợp đồng tổng số tiền 13.300.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 24/12/2019, giải ngân 3.900.000.000 đồng. Ngày 25/12/2019, giải ngân 3.700.000.000 đồng. Ngày 26/12/2019, giải ngân 3.200.000.000 đồng. Ngày 21/01/2020, giải ngân 1.300.000.000 đồng. Ngày 07/5/2020 giải ngân 1.200.000.000 đồng. Về phía bị đơn, sau khi các giao dịch được ký kết, Công ty Đ đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng đã ký cho ngân hàng B. Đến ngày 24/12/2020 thì vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc của hợp đồng, nên Ngân hàng B đã chuyển nợ quá hạn.

Do Công ty Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã cam kết trong các hợp đồng tín dụng như nêu trên nên việc Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc Công ty

Đ phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc còn thiếu và tiền lãi phát sinh đúng với sự thỏa thuận của các bên khi giao kết tính đến ngày xét xử sơ thẩm và tiền lãi phát sinh tiếp theo từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản vay theo từng hợp đồng đã ký. Do đó yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và cần được chấp nhận. Theo đó tính đến ngày 11/3/2022 bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 11.916.000.000 đồng đồng và và khoản tiền lãi theo lãi suất mà hai bên được thỏa thuận trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể kể từ ngày 12/3/2022 cho đến khi thanh toán xong cho Ngân hàng.

Đối với yêu cầu phát mại tài sản là quyền sử dụng đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 611433, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất CH/00095 do UBND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 24/8/2010 cho bà Nguyễn Thị Th. Quyền sử dụng đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG057695, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất CH 00279 do UBND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 21/6/2011 cho ông Vũ Hồng T và vợ là bà Bùi Thị T trong trường hợp Công ty Đ không trả được các khoản nợ trên. Xét thấy, các hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, không vi phạm đạo đức do vậy làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Hợp đồng thế chấp tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm và được công chứng phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. Do Công ty Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ các hợp đồng tín dụng, không trả được các khoản nợ đến hạn mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nên Ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm trong trường hợp Công ty Đ không trả được nợ là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận giữa các bên đã được quy định trong các hợp đồng, phù hợp với quy định tại các Điều 299, 323 của Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận.

Về án phí: Công ty Đ phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam và Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Đ là tranh chấp hợp đồng tín dụng phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại, mặc dù bị đơn có trụ sở tại Thôn S, xã P, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nhưng tại Hợp đồng tín dụng các bên thống nhất thỏa thuận Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản

1 Điều 30, điểm khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2] Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B yêu cầu Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Đ phải trả số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/9934857/HĐTD ngày 15/11/2019 và các Hợp đồng tín dụng cụ thể tính đến ngày 11/3/2022 tổng số tiền là 13.659.225.085 đồng; trong đó nợ gốc 11.916.000.000 đồng, lãi trong hạn: 28.590.411 đồng, lãi quá hạn 1.711.135.080 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 3.499.594 đồng.

Cụ thể tiền nợ của các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.01/2019/9934857/HĐTD ngày 24/12/2019 là: 2.953.023.436 đồng; trong đó: Nợ gốc là: 2.571.000.000 đồng; lãi trong hạn là: 16.518.083 đồng; lãi quá hạn là: 363.505.081 đồng; lãi chậm trả lãi: 2.000.272 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.02/9934857/HĐTD ngày 25/12/2019 là: 4.216.332.466 đồng; trong đó: Nợ gốc là: 3.700.000.000 đồng; lãi quá hạn: 516.332.466 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.03/2019/9934857/HĐTD ngày 26/12/2019 là 3.646.301.652 đồng; trong đó: Nợ gốc: 3.200.000.000 đồng; lãi trong hạn: 675.069 đồng; lãi quá hạn: 445.545.205 đồng; lãi chậm trả lãi: 81.378 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng cụ thể 01.01/2020/9934857/HĐTD ngày 22/01/2020 là 1.485.395.874 đồng; trong đó: Nợ gốc: 1.300.000.000 đồng; lãi trong hạn: 7.978.081 đồng; lãi quá hạn: 176.515.068 đồng; lãi chậm trả lãi: 902.725 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.02/2020/9934857/HĐTD ngày 07/5/2020 là 1.358.171.657 đồng; trong đó: Nợ gốc: 1.145.000.000 đồng; lãi trong hạn: 3.419.178 đồng; lãi quá hạn: 209.237.260 đồng; lãi chậm trả lãi: 515.219 đồng.

và khoản tiền lãi theo lãi suất mà hai bên được thỏa thuận trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể kể từ ngày 12/3/2022 cho đến khi thanh toán xong cho Ngân hàng. Bị đơn là Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Đ thừa nhận có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức và các Hợp đồng tính dụng cụ thể với Ngân hàng để vay số tiền 13.300.000.000 đồng và Công ty cũng đã được Ngân hàng giải ngân số tiền trên.

[4] Hội đồng xét xử xét Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/9934857/HĐTD ngày 15/11/2019 và các Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.01/2019/9934857/HĐTD ngày 24/12/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.02/9934857/HĐTD ngày 25/12/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.03/2019/9934857/HĐTD ngày 26/12/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể

01.01/2020/9934857/HĐTD ngày 22/01/2020; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.02/2020/9934857/HĐTD ngày 07/5/2020 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức, trình tự, thủ tục ký kết hợp đồng nên là hợp đồng hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong những hợp đồng này. Tính đến ngày 11/3/2022 Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Đ còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền 13.659.225.085 đồng; trong đó nợ gốc là:11.916.000.000 đồng; lãi trong hạn: 28.590.411đồng; lãi quá hạn: 1.711.135.080 đồng; lãi phạt chậm trả lãi: 3.499.594 đồng. Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Đ phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức và các Hợp đồng tín dụng cụ thể kể từ ngày 12/3/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ theo các hợp đồng đã ký kết.

- Về hợp đồng thế chấp tài sản:

[5] Hội đồng xét xử nhận định đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số 01/2019/9934857/HĐBĐ ngày 23/12/2019 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần B và bà Nguyễn Thị T; Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2020/9934857/HĐBĐ ngày 20/01/2020 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần B và ông Vũ Hồng T, bà Bùi Thị T về hình thức, trình tự, thủ tục ký kết Hợp đồng cũng được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật nên các Hợp đồng thế chấp trên là hợp pháp.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B được chấp nhận nên Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Đ phải chịu án phí Kinh doanh thương mại là 121.659.225 đồng. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 60.065.000 đồng .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 298, Điều 299, Điều 307, Điều 323, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

* Xử: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

1. Buộc Công ty cổ phần Thương mại và dịch vụ Đ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ tổng số nợ của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/9934857/HĐTD ngày 15/11/2019 và các Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.01/2019/9934857/HĐTD ngày 24/12/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.02/9934857/HĐTD ngày 25/12/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể số

01.03/2019/9934857/HĐTD ngày 26/12/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể 01.01/2020/9934857/HĐTD ngày 22/01/2020; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.02/2020/9934857/HĐTD ngày 07/5/2020 tính đến ngày 11/3/2022 tổng số tiền là 13.659.225.085 đồng (mười ba tỷ, sáu trăm lăm mươi chín triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, không trăm tám mươi lăm đồng); trong đó nợ gốc 11.916.000.000 đồng (mười một tỷ, chín trăm mười sáu triệu đồng); lãi trong hạn 28.590.411 đồng (hai mươi tám triệu, năm trăm chín mươi nghìn, bốn trăm mười một đồng); lãi quá hạn 1.711.135.080 đồng (một tỷ, bảy trăm mười một triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn, không trăm tám mươi đồng); lãi chậm trả lãi 3.499.594 đồng (ba triệu, bốn trăm chín chín nghìn, năm trăm chín tư đồng).

Cụ thể tiền nợ của các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.01/2019/9934857/HĐTD ngày 24/12/2019 là: 2.953.023.436 đồng; trong đó: Nợ gốc là: 2.571.000.000 đồng; lãi trong hạn là: 16.518.083 đồng; lãi quá hạn là: 363.505.081 đồng; lãi chậm trả lãi: 2.000.272 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.02/9934857/HĐTD ngày 25/12/2019 là: 4.216.332.466 đồng; trong đó: Nợ gốc là: 3.700.000.000 đồng; lãi quá hạn: 516.332.466 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.03/2019/9934857/HĐTD ngày 26/12/2019 là 3.646.301.652 đồng; trong đó: Nợ gốc: 3.200.000.000 đồng; lãi trong hạn: 675.069 đồng; lãi quá hạn: 445.545.205 đồng; lãi chậm trả lãi: 81.378 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng cụ thể 01.01/2020/9934857/HĐTD ngày 22/01/2020 là 1.485.395.874 đồng; trong đó: Nợ gốc: 1.300.000.000 đồng; lãi trong hạn: 7.978.081 đồng; lãi quá hạn: 176.515.068 đồng; lãi chậm trả lãi: 902.725 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.02/2020/9934857/HĐTD ngày 07/5/2020 là 1.358.171.657 đồng; trong đó: Nợ gốc: 1.145.000.000 đồng; lãi trong hạn: 3.419.178 đồng; lãi quá hạn: 209.237.260 đồng; lãi chậm trả lãi: 515.219 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Đ không trả nợ được cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản

thể chấp tài sản để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm cam kết theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số 01/2019/9934857/HĐBĐ ngày 23/12/2019 giữa bà Nguyễn Thị T - bên thế chấp và Ngân hàng Thương mại Cổ phần B – bên nhận thế chấp. Tài sản thế chấp bao gồm quyền sử dụng đất ở đối với diện tích 150 m² và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất tại đường B, thị trấn N, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng thuộc thửa số 529, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB611433, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH/00095 do Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 24/8/2010 đứng tên bà Nguyễn Thị T. Và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số 01/2020/9934857/HĐBĐ ngày 20/01/2020 giữa ông Vũ Hồng T, bà Bùi Thị T - bên thế chấp và Ngân hàng Thương mại Cổ phần B – bên nhận thế chấp. Tài sản thế chấp bao gồm quyền sử dụng đất đối với diện tích 83,25 m² tại đường B, thị trấn N, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng thuộc thửa số 98, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BG057695, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00279 do Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 21/6/2011 đứng tên ông Vũ Hồng T và bà Bùi Thị T. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Đ vẫn phải tiếp tục thực hiện phần nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

- Về án phí: Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Đ phải chịu 121.659.225 đồng (một trăm hai mươi một triệu, sáu trăm lăm chín nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí là 60.065.000 đồng (sáu mươi triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0013995 ngày 29/4/2021.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THA dân sự quận Lê Chân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tuyết Hồng